

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/11/2025
V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu

bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

Ngày 03/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị L (tên gọi khác: Bùi Thị Dương L), sinh ngày 26/02/1970, CCCD số: 037170000364, địa chỉ: xóm T, xã Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Quốc V), sinh ngày 02/05/1970, CCCD số: 037070006812, địa chỉ: xóm 3, N, xã G, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2025, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - bà Bùi Thị L (tên gọi khác: Bùi Thị Dương L) trình bày: bà và ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Quốc V) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 03/4/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Yên Từ, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2015, không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau.

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án cho bà được ly hôn ông V.

Bà và ông V có 02 con chung là anh Nguyễn V Phương Phương, sinh ngày 01/11/1997 và anh Nguyễn Thành Nam, sinh ngày 22/10/2004. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã tự lập được cuộc sống riêng nên bà không đề nghị tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn. Bà cũng không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Bà L xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của bị đơn - ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Quốc V): tại bản **tự khai**, ông V trình bày: giữa ông và bà L có quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn và con chung giống như bà L đã trình bày nêu trên. Bà L làm đơn xin ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn. Ông V không đề nghị tòa án giải quyết tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Ông V xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt (nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông V, bà L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Từ nên quan hệ hôn nhân giữa ông V, bà L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Qua ý kiến trình bày của ông V, bà L cho thấy giữa ông V, bà L đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông V và ông V cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, cả ông V và bà L đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng; mâu thuẫn giữa ông V, bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn với ông V theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông V, bà L có 02 con chung là anh Nguyễn V Phương Phương, sinh ngày 01/11/1997 và anh Nguyễn Thành Nam, sinh ngày 22/10/2004 đều đã trên 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Quốc V) và bà Bùi Thị L (tên gọi khác: Bùi Thị Dương L).

2. *Về con chung; tài sản, công nợ chung:* tòa án không giải quyết.

3. *Về án phí:* bà Bùi Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001104 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Yên Từ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Thị Kim Oanh